

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **65/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-3-2023

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Bảo L, sinh năm 1992. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: anh Đinh Thanh T, sinh năm 1991. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn Phước Thành, xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Trần Bảo L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đinh Thanh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 10/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Mạnh C, sinh ngày 03/5/2013. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 28/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Đinh Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất như lời trình bày của chị Trần Bảo L về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Nay chị L xin ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ để vợ chồng cùng chung sống, chăm lo cho con.

Về con chung: có 01 con chung tên Đinh Mạnh C, sinh ngày 03/5/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh T có nơi cư trú tại: thôn P, xã Q, huyện S, tỉnh N. Chị L khởi kiện xin ly hôn với anh T nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, bị đơn - anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 10/9/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Còn theo anh T thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa anh T đều không có mặt thể hiện sự không quan tâm đến gia đình. Anh T yêu cầu giải quyết đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị L đều cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị L và anh T có 01 con chung tên Đinh Mạnh C, sinh ngày 03/5/2013, các đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt không có lý do thể hiện sự không quan tâm đến con cái. Cháu C còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ để cháu phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu C cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bảo L về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Bảo L và anh Đinh Thanh T.

2. Về con chung: giao cháu Đinh Mạnh C, sinh ngày 03/5/2013 cho chị Trần Bảo L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị L đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004884 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Nam
 - VKSND huyện Quế Sơn;
 - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
 - UBND xã Q, huyện S
- (GCNKH số 65 ngày 10/9/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen